

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIA
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 8 - 2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIA, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Khi

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nông Thị Ái Vân
- Ông Hoàng Văn Đoàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Nam Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 42/2024/TLST-HNGĐ ngày 04/5/2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 11/7/2024, quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01/8/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lò Thị N, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Hoàng Văn N1, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Lò Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị N được tự do, tự nguyện tìm hiểu với anh Hoàng Văn N1 và được hai bên gia đình tổ chức hôn lễ cưới theo phong tục tập

quán của địa phương. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Lạng Sơn ngày 15/4/2009. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng về chung sống tại thôn Đ, xã M, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên có mâu thuẫn do anh Hoàng Văn N1 không lo làm ăn, thường xuyên rượu chè, đánh đập chị. Đến cuối năm 2009 do không thể tiếp tục chung sống vợ chồng nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ ruột tại Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Thanh Hóa. Hai vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Quá trình sống ly thân hai vợ chồng không ai quan tâm chăm sóc ai. Vì mục đích hôn nhân của vợ chồng không đạt được, không thể tiếp tục chung sống vợ chồng, thời gian sống ly thân đã lâu nên chị Lò Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Hoàng Văn N1.

Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Thị H, sinh ngày 17/5/2009. Khi ly hôn chị Lò Thị N không nhận quyền nuôi con. Yêu cầu anh Hoàng Văn N1 là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục con chung. Chị Lò Thị N không cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt không có lý do. Do đó, không có tài liệu thể hiện quan điểm của bị đơn trong vụ án.

Do nguyên đơn có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành được phiên hòa giải.

Tại biên bản xác minh tại trường thôn Đ, xã M, Ủy ban nhân dân xã M, Công an xã M xác nhận chị Lò Thị N và anh Hoàng Văn N1 đăng ký kết hôn theo quy định, chị Lò Thị N bỏ đi khỏi địa phương từ cuối năm 2009; Quá trình chị N bỏ đi khỏi địa phương con chung do anh Hoàng Văn N1 nuôi dưỡng phát triển bình thường; hiện nay cháu Hoàng Thị H đã bỏ học, không có mặt tại địa phương.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ, bảo đảm đúng quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Xác định mâu thuẫn giữa chị Lò Thị N và anh Hoàng Văn N1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ; khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình 2014 đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Lò Thị N được ly hôn với anh Hoàng Văn N1; Về con chung căn cứ các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014 đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Hoàng Thị H cho anh Hoàng Văn N1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng:

Không xem xét. Về án phí: Chị Lò Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Lò Thị N yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn với anh Hoàng Văn N1 có địa chỉ tại thôn Đ, xã M, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn. Tòa án nhân dân huyện Bình Gia thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt trong toàn bộ vụ án, có văn bản trình bày quan điểm. Bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Tại biên bản xác minh Công an xã M và người làm chứng xác nhận anh Hoàng Văn N1 vẫn có hộ khẩu tại địa phương, đi làm ăn xa nhưng vẫn thường xuyên về địa phương có liên lạc với gia đình. Anh Hoàng Văn C - em ruột bị đơn là người nhận thay văn bản và thông báo nội dung cho anh Hoàng Văn N1. Quá trình giải quyết đã tổng đạt đầy đủ, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, giải thích đầy đủ quyền, nghĩa vụ cho bị đơn theo quy định. Tòa án đã hoãn phiên tòa lần 1 và tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa. Do đó, việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự. Theo quy định tại Điều 227; khoản 1, 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt, nguyên đơn, bị đơn là có căn cứ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị N và anh Hoàng Văn N1 được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định là hôn nhân hợp pháp. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã M và người làm chứng xác định quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, hai vợ chồng có thời gian chung sống thực tế ngắn, thời gian sống ly thân dài từ năm 2009 đến nay. Quá trình sống ly thân các đương sự đều không có hành động thể hiện mong muốn quan tâm và hàn gắn tình cảm vợ chồng thể hiện việc không còn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập bị đơn để trình bày quan điểm, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do thể hiện việc không mong muốn đoàn tụ gia đình phù hợp với lời khai người làm chứng và các biên bản xác minh. Như vậy, hôn nhân giữa chị Lò Thị N và anh Hoàng Văn N1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử thấy có căn cứ để giải quyết cho chị Lò Thị N được ly hôn với anh Hoàng Văn N1.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 người con chung là Hoàng Thị H, sinh ngày 17/5/2009. Nhận thấy, thời gian sống ly thân con chung anh Hoàng Văn N1 nuôi dưỡng và phát triển bình thường, chị Lò Thị N không đóng góp tiền nuôi con, không về thăm con phù hợp với nội dung Tòa án xác minh.

Qua xác minh anh Hoàng Văn N1 có nhà cửa ổn định, quá trình chăm sóc con chung phát triển bình thường. Tòa án đã tiến hành đến làm việc trực tiếp để lấy lời khai con chung, tuy nhiên, cháu Hoàng Thị H đã bỏ học và hiện đi làm thuê không có mặt tại địa phương do đó không thể lấy được lời khai. Tuy nhiên, xét điều kiện nuôi dưỡng, hoàn cảnh sống phù hợp với sự phát triển của con chung, quá trình chăm sóc nuôi dưỡng con chung khi các đương sự sống ly thân có căn cứ chấp nhận giao con chung cho anh Hoàng Văn N1 trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi theo quy định tại Điều 81 luật Hôn nhân gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không cấp dưỡng; bị đơn không có văn bản trình bày quan điểm. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

[7] Về tài sản chung vợ chồng, nợ chung vợ chồng: Quá trình giải quyết vụ án chị Lò Thị N xác định quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung vợ chồng, nợ chung vợ chồng. Tuy nhiên, bị đơn không có quan điểm trình bày các nội dung này. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Chị Lò Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Quan điểm của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[10] Về kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; 264, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 25; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị N được ly hôn với anh Hoàng Văn N1.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Thị H, sinh ngày 17/5/2009 cho anh Hoàng Văn N1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục đến khi đủ 18 tuổi (trưởng thành). Chị Lò Thị N có quyền đi lại thăm nom con chung không ai cản trở.

Trường hợp cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Lò Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Lò Thị N đã nộp theo biên lai số 0003496 ngày 04/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Gia.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND H. Bình Gia;
- Chi cục THADS H. Bình Gia;
- UBND xã Mông Ân, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;
(Nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự (Theo địa chỉ);
- Lưu: HS + Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Văn Khi